

Bản án số: 52/2021/DS-ST

Ngày: 19/03/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Năm

2. Ông Hoàng Minh Đang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 21/2021/QĐST-DS ngày 22/02/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Tài chính A; Địa chỉ: Đường B, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hà Chung T, sinh năm 1997; Địa chỉ: Đường T, Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 30/UQTA-VH.20 ngày 25/11/2020; Văn bản ủy quyền số 121/UQ-VH.20 ngày 25/9/2020; Văn bản ủy quyền số 80/UQ-VH.18 ngày 13/6/2018 của Chủ tịch Hội đồng thành viên).

(Đương sự vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Chung Ngọc H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Đường P, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 31/3/2019 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Hà Chung T trình bày:

Ngày 30/5/2017, Công ty Tài chính A (viết tắt là Công ty) và ông Chung Ngọc H có ký Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 1804318 (còn gọi là Hợp đồng tín dụng số 20170605-0000590, và xác định lại trong đơn khởi kiện nêu hợp đồng này ghi ngày 01/6/2017 là do nhầm lẫn) vay số tiền 21.100.000 (Hai mươi một triệu một trăm ngàn) đồng, với lãi suất là 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận, ông Chung Ngọc H có trách nhiệm thanh toán số tiền là 32.364.223 đồng (bao gồm cả tiền nợ gốc và nợ lãi) và phương thức thanh toán là trả dần trong vòng 24 tháng, bắt đầu từ ngày 08/7/2017 (cụ thể là 23 tháng đầu mỗi tháng thanh toán số tiền là 1.349.000 đồng và tháng cuối cùng thanh toán 1.337.223 đồng, thanh toán vào ngày 8 hàng tháng).

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Chung Ngọc H đã thanh toán 12 lần cho Công ty với tổng số tiền là 14.971.000 đồng, nhưng kể từ ngày 08/6/2018 đến nay ông Chung Ngọc H không thanh toán thêm bất cứ khoản nào, mặc dù Công ty đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu thanh toán.

Do ông Chung Ngọc H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty yêu cầu cá nhân ông Chung Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ là 17.393.223 (Mười bảy triệu, ba trăm chín mươi ba ngàn, hai trăm hai mươi ba) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 13.674.740 (Mười ba triệu, sáu trăm bảy mươi bốn ngàn, bảy trăm bốn mươi) đồng và tiền nợ lãi là 3.718.483 (Ba triệu, bảy trăm mười tám ngàn, bốn trăm tám mươi ba) đồng. Thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Chung Ngọc H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông Chung Ngọc H vẫn vắng mặt, không có lý do.

Do đương sự vắng mặt tại phiên tòa, Chủ tọa công bố toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa đều vắng mặt, không có lý do chính đáng, là chưa chấp hành đúng quy định Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn là Công ty Tài chính A và bị đơn là ông Chung Ngọc H, đã thỏa thuận với nhau về việc cấp tín dụng để mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1804318 (còn gọi là Hợp đồng tín dụng số 20170605-0000590); bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ: Đường Đ, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 4, Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 385 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử nhận định: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn là Công ty Tài chính A đã ủy quyền cho bà Hà Chung T để tham gia tố tụng, tham gia phiên tòa, và ngày 17/12/2020 bà T đã có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Chung Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần vào các ngày 29/01/2021, 22/02/2021 và ngày 19/3/2021) để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Công ty Tài chính A yêu cầu cá nhân ông Chung Ngọc H có trách nhiệm thanh toán khoản nợ với số tiền là 17.393.223 (Mười bảy triệu, ba trăm chín mươi ba ngàn, hai trăm hai mươi ba) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 13.674.740 (Mười ba triệu, sáu trăm bảy mươi bốn ngàn, bảy trăm bốn mươi) đồng và tiền nợ lãi là 3.718.483 (Ba triệu, bảy trăm mười tám ngàn, bốn trăm tám mươi ba) đồng. Thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ này ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét Công ty Tài chính A đã cấp tín dụng cho ông Chung Ngọc H, cụ thể đã cho ông Chung Ngọc H vay tiền (theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1804318 (còn gọi là Hợp đồng tín dụng số 20170605-0000590) nhưng vi phạm hợp đồng, không trả gốc và lãi theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Chung Ngọc H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ là 17.393.223 (Mười bảy triệu, ba trăm chín mươi ba ngàn, hai trăm hai mươi ba) đồng, là có cơ sở, đảm bảo nguyên tắc cho vay là hoàn trả cả gốc và lãi, phù hợp với quy định tại Điều 463,

Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 16 Điều 4 và khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ cùng lời khai của nguyên đơn cung cấp, đã có đủ cơ sở xác định Công ty Tài chính A có cho ông Chung Ngọc H vay tiền và cho đến nay ông Chung Ngọc H vẫn chưa thanh toán xong tiền nợ gốc và lãi cho Công ty Tài chính A như các bên đã thỏa thuận. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính A đối với bị đơn là cá nhân ông Chung Ngọc H về số nợ gốc và nợ lãi là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn ông Chung Ngọc H phải chịu án dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Chung Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 869.661 (Tám trăm sáu mươi chín ngàn, sáu trăm sáu mươi một) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 385, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 16 Điều 4 và khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 207, 227, 228, 254, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính A.

1.1. Buộc ông Chung Ngọc H chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán cho Công ty Tài chính A số tiền còn nợ là 17.393.223 (Mười bảy triệu, ba trăm chín mươi ba ngàn, hai trăm hai mươi ba) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 13.674.740 (Mười ba triệu, sáu trăm bảy mươi bốn ngàn, bảy trăm bốn mươi) đồng và tiền nợ lãi là 3.718.483 (Ba triệu, bảy trăm mười tám ngàn, bốn trăm tám mươi ba) đồng.

1.2. Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 1804318 (còn gọi là Hợp đồng tín dụng số 20170605-0000590, ngày 01/6/2017).

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Chung Ngọc H phải chịu số tiền là 869.661 (Tám trăm sáu mươi chín ngàn, sáu trăm sáu mươi mốt) đồng.

2.2. Hoàn lại cho Công ty Tài chính A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 435.000 (Bốn trăm ba mươi lăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0019528 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc thi hành án được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Công ty Tài chính A, ông Chung Ngọc H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thành Trung